TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIA LỘC** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 24/12/2024
"*V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC, TỈNH HẢI DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lan
Bà Nguyễn Thị Phương Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Khoa Trung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Gia Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên toà: Bà Ngô Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 24/12/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Gia Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 175/2024/TLST-HNGĐ ngày 08/10/2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/12/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1995.
Nơi thường trú: thôn X, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương. Có mặt.
2 Bị đơn: Anh Hoàng Văn Đ, sinh năm 1992
Nơi thường trú: thôn X, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/9/2024 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Hoàng Văn Đ tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 26/7/2013 tại UBND xã L (nay là xã T), huyện G, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn trầm trọng từ khoảng năm 2020, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh Đ nghi ngờ chị không chung thủy. Anh Đ đi làm có tiền nhưng không đưa chị nuôi con, không quan tâm đến vợ con, nhiều lần anh Đ gây sự, đánh đập chị. Do vợ chồng mâu thuẫn nên chị bỏ về nhà mẹ đẻ ở cùng thôn, anh Đ đến tìm đánh chị và bắt chị về, có lần chị phải báo Công an xã

L (nay là xã T) đến giải quyết nên anh Đ mới đi về. Do nghĩ đến các con còn nhỏ, nghe mọi người khuyên nên chị tha thứ cho anh Đ, chị đã quay lại chung sống với anh Đ từ cuối năm 2023 nhưng anh Đ vẫn không thay đổi, tiếp tục chửi bới, đánh đập chị. Chị bỏ về nhà mẹ đẻ từ ngày mồng mười Tết năm 2024. Từ đó đến nay, anh Đ không đến tìm chị về nhưng mỗi lần có việc đi qua nhà chị thì anh Đ lại chửi bới xúc phạm chị và mẹ chị. Đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng ly thân không quan tâm đến nhau nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Đ.

- Về con chung: Vợ chồng chị có ba con chung là cháu Hoàng Gia Đ1, sinh ngày 24/10/2013, cháu Hoàng Diệp Bảo Đ2, sinh ngày 27/6/2017, cháu Hoàng Bảo Đ3, sinh ngày 11/7/2019. Chị xin nuôi ba con chung, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Hoàng Văn Đ trình bày:

- Về hôn nhân: Thống nhất với ý kiến của nguyên đơn về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, việc đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống vợ chồng anh không có mâu thuẫn, chỉ khoảng một năm trở lại đây, chị N chơi bời, có biểu hiện không chung thủy nên anh đánh chị N vài lần. Những lần anh đánh chị N cũng đều có lý do chứ không phải tự nhiên đánh. Anh thấy bản thân mình không có lỗi sai. Khi vợ chồng mâu thuẫn, vài lần chị N cũng đánh anh, anh đã phải báo Công an xã L (nay là xã T). Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do chị N đã có người đàn ông khác, không quan tâm đến gia đình. Anh đã nói với chị N nhiều lần để chị N thay đổi nhưng chị N tỏ thái độ không tôn trọng anh. Vợ chồng xảy ra xô xát cãi nhau, chị N tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ từ đầu năm 2024. Theo anh mọi lỗi sai đều do chị N nên anh không đón chị N về. Đến nay, anh xác định không còn tình cảm yêu thương chị N nhưng do suy nghĩ đến các con còn nhỏ, cần sự chăm sóc của cả bố và mẹ nên anh không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng anh có con chung như chị N trình bày. Anh không đưa ra quan điểm của anh về giải quyết con chung mà tùy thuộc vào nguyện vọng của các cháu. Nếu được nuôi con thì anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh tại UBND xã L (nay là xã T), đại diện địa phương cung cấp: Chị Nguyễn Thị N và anh Hoàng Văn Đ đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại UBND xã L (nay là xã T), huyện G, tỉnh Hải Dương. Trong thời gian anh chị sinh sống tại thôn X, xã L (nay là xã T), huyện G, tỉnh Hải Dương, địa phương không biết giữa anh chị có xảy ra mâu thuẫn hay không, địa phương không nhận được đề nghị hòa giải mâu thuẫn vợ chồng từ chị N hoặc anh Đ. Thời gian trước đây, có vài lần giữa anh chị xảy ra xô xát, đã báo trưởng thôn và Công an xã. Gần đây chị N không chung sống cùng anh Đ mà về ở nhà bố mẹ đẻ ở cùng thôn. Quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án hòa giải để anh chị đoàn tụ, nếu

chị N vẫn kiên quyết ly hôn thì đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Bà Vũ Thị L là mẹ đẻ chị N cung cấp: Khoảng 4 năm trở lại đây, anh Đ và chị N phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Đ chơi bời mất tiền, không quan tâm đến vợ con. Nhiều lần anh Đ đánh chị N nên chị N bỏ về nhà bà ở. Bà đã khuyên chị N nên chị quay về chung sống cùng anh Đ. Tuy nhiên, vợ chồng anh chị lại mâu thuẫn nên từ đầu năm 2024, chị N đưa con về nhà bà. Mỗi lần gặp bà, anh Đ tỏ thái độ hỗn láo, chửi bới bà. Quan điểm của bà đề nghị Tòa án giải quyết cho chị N ly hôn anh Đ để chị N yên tâm ổn định cuộc sống. Hiện nay, chị N đang nuôi cháu Đ3 và cháu Đ2, vợ chồng bà vẫn hỗ trợ chị N nuôi các cháu.

Bà Hoàng Thị C là mẹ đẻ anh Đ cung cấp: Trong quá trình vợ chồng anh Đ, chị N sinh sống không phát sinh mâu thuẫn lớn. Vợ chồng chỉ có mâu thuẫn nhỏ do chị N có biểu hiện không chung thủy. Chị N đã bỏ về nhà mẹ đẻ từ khoảng một năm nay, bà không biết lý do vì sao. Quan điểm của bà mong muốn anh chị đoàn tụ, nếu chị N vẫn kiên quyết ly hôn thì đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên toà:

Chị N và anh Đ giữ nguyên nội dung và quan điểm đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều được đảm bảo. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị N ly hôn anh Hoàng Văn Đ. Về con chung: Giao con chung là cháu Hoàng Diệp Bảo Đ2, sinh ngày 27/6/2017, cháu Hoàng Bảo Đ3, sinh ngày 11/7/2019 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung là cháu Hoàng Gia Đ1, sinh ngày 24/10/2013 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chị N, anh Đ không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con và đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về án phí: Chị N nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Hoàng Văn Đ kết hôn vào

ngày 26/7/2013, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã L (nay là xã T), huyện G, tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, xảy ra xô xát, cãi nhau. Vợ chồng anh chị ly thân từ tháng 02 năm 2024, không có cuộc sống chung, không quan tâm đến nhau. Anh Đ xác định không còn tình cảm với chị N, anh không đưa ra được biện pháp để vợ chồng đoàn tụ, do suy nghĩ đến các con còn nhỏ, cần sự chăm sóc của cả bố và mẹ nên anh không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa hai anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không có cuộc sống chung, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, cần cho chị N ly hôn anh Đ.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị N, anh Đ có ba con chung là cháu Hoàng Gia Đ1, sinh ngày 24/10/2013, cháu Hoàng Diệp Bảo Đ2, sinh ngày 27/6/2017, cháu Hoàng Bảo Đ3, sinh ngày 11/7/2019. Chị N xin nuôi ba con, anh Đ đề nghị giải quyết theo nguyện vọng của các con. Để giao con chung cho ai nuôi dưỡng, Hội đồng xét xử sẽ xem xét quyền lợi về mọi mặt của con. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị N và anh Đ đều là công nhân, có công việc, thu nhập, chỗ ở ổn định nên cùng có điều kiện nuôi con. Tại mỗi thời điểm ghi nhận ý kiến, cháu Đ2 có nguyện vọng khác nhau, lúc đầu xin ở với mẹ, tại phiên tòa cháu xin ở với bố. Cháu Đ1 có nguyện vọng ở với bố, cháu Đ3 còn bé, cần sự chăm sóc của mẹ. Từ khi vợ chồng ly thân, cháu Đ2 và cháu Đ3 vẫn ở với mẹ, cháu Đ1 ở với bố, anh Đ trình bày các cháu ở với chị N sẽ thuận lợi cho việc đưa đón các cháu đi học. Do vậy, để đảm bảo sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống của các cháu, cần giao cháu Đ1 cho anh Đ nuôi dưỡng, giao cháu Đ2 và cháu Đ3 cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị N và anh Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của anh chị.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh Đ đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau này các đương sự có tranh chấp về tài sản sau khi ly hôn có quyền khởi kiện vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng

một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị N ly hôn anh Hoàng Văn Đ.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Hoàng Diệp Bảo Đ2, sinh ngày 27/6/2017, cháu Hoàng Bảo Đ3, sinh ngày 11/7/2019 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung là cháu Hoàng Gia Đ1, sinh ngày 24/10/2013 cho anh Hoàng Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chị N, anh Đ không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con và đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí ký hiệu BLTU/23, số 0004687 ngày 07/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Chị N đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Gia Lộc;
- Chi cục THADS huyện Gia Lộc;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hoài Thanh